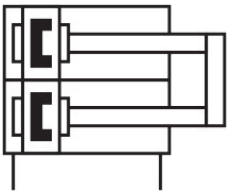


# Xy lanh trượt mini DGST-16-40-E1A

Số bộ phận: 8078856

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                          |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 40 mm                                                            |
| Ø pít tông                                            | 16 mm                                                            |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                   | Ách                                                              |
| Đệm                                                   | Giảm xóc đàn hồi, ở cả hai bên, không điều chỉnh được hành trình |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                           |
| Dẫn hướng                                             | Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn                                    |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tông đôi<br>Ách<br>Cần piston<br>Ổ trượt                     |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                             |
| Áp suất vận hành                                      | 0.1 MPA...0.8 MPA<br>1 bar...8 bar<br>14.5 psi...116 psi         |
| Tốc độ tối đa                                         | 0.5 m/s                                                          |
| Độ chính xác lắp lại                                  | $\leq 0,3\text{mm}$                                              |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tắc động kép                                                     |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                             |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)    |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                         |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                |
| Loại phòng sạch                                       | Loại 6 theo ISO 14644-1                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -10 °C...60 °C                                                   |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.15 J                                                           |
| Chiều dài đệm                                         | 0.8 mm                                                           |
| Lực tối đa Fy                                         | 880 N                                                            |
| Lực tối đa Fz                                         | 880 N                                                            |
| Thời điểm tối đa Mx                                   | 11.3 N m                                                         |
| Max. Moment My                                        | 8 N m                                                            |
| Mô-men tối đa Mz                                      | 8 N m                                                            |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 207 N                                                            |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 241 N                                                            |

| Đặc tính                 | Giá trị                          |
|--------------------------|----------------------------------|
| Khối lượng di chuyển     | 324 g                            |
| trọng lượng sản phẩm     | 629 g                            |
| Kiểu gắn                 | với lỗ xuyên                     |
| Cổng nối khí nén         | M5                               |
| Ghi chú vật liệu         | Tuân thủ RoHS                    |
| Vật liệu phủ             | Hợp kim nhôm rèn                 |
| Vật liệu của phốt        | HNBR                             |
| Vật liệu thanh dẫn hướng | POM<br>TPE-E<br>thép hợp kim cao |
| Vật liệu vỏ              | Hợp kim nhôm rèn                 |
| Vật liệu thanh piston    | thép không gỉ hợp kim cao        |